TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/01/2026
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyển và bà Trần Thị Gấm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1964; CCCD:034164010936, Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin giải quyết vắng mặt

Bị đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; CCCD:031063017868, Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày:*
Bà Nguyễn Thị Á và ông Nguyễn Văn D đến chung sống với nhau từ năm 1988, khi đến chúng sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, bà Á và ông D không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại có quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thời gian đầu hai bên hoà thuận nhưng từ năm 2005 trở lại đây thì cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, hiện nay bà Á và ông D không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, đời sống chung không thể kéo dài và ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên bà

Nguyễn Thị Á mới làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Á với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng bà Nguyễn Thị Á và ông Nguyễn Văn D có 03 con chung gồm: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990; Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1994. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh R toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh C1 án phí ly hôn theo quy định.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:* Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Á đến chung sống với nhau từ năm 1988, khi đến chúng sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phục nhưng từ năm 2005 trở lại đây thì cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên, không còn tình cảm gì. Hiện bà Nguyễn Thị Á làm đơn đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà Á thì ông D hoàn toàn đồng ý theo yêu cầu của bà Á.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với bà Á thì có 03 con chung gồm: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990; anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1994. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh R toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung nên bị đơn không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn làm đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Á với ông Nguyễn Văn D.

Về tài sản chung của nà nữ chung sống với nhau như vợ chồng: Đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh R về yêu cầu này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết vụ án, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự; Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng. Phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á và bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á và bị đơn ông Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn D, cư trú Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật:* bà Nguyễn Thị Á và ông Nguyễn Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 1988, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, và có 03 con chung gồm 03 con chung gồm cháu: Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990; cháu Nguyễn Tiến T, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thành C, sinh năm 1994. Do mâu thuẫn tình cảm trong thời gian chung sống với nhau, hiện ông D và bà Á không còn tình cảm nên bà Nguyễn Thị Á yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào biên bản xác minh, lời trình bày của các dương sự và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: bà Nguyễn Thị Á và ông Nguyễn Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 1988, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định chỉ làm thủ tục tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán phù hợp thực tế tại địa phương và có 03 con chung gồm 03 con chung gồm

cháu: Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990; cháu Nguyễn Tiến T, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thành C, sinh năm 1994.

Căn cứ tại điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định:

3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

b) N và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;

c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Tại Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: **"**Đăng ký kết hôn:1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Điều 14 giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăn ký kết hôn: "1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Như vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á và bị đơn ông Nguyễn Văn D có thời gian chung sống với nhua như vợ chồng, có làm đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do không được pháp luật hôn nhân công nhận.

Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á làm đơn không công nhận là vợ chồng, HĐXX căn cứ điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; và Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[2]. Về con chung: ông D và bà Á có 03 con chung là Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1990; cháu Nguyễn Tiến T, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thành C, sinh năm 1994. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết về việc chia tài sản chung thì nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết về việc chia tài sản chung nên nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung nên cần đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Á chị án phí hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Á với ông Nguyễn Văn D.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh R toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh C1 án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Á đã nộp là 1.550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007670 ngày 05 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Trả lại số tiền 1.250.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ánh .

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đăk Song, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân